

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HS-ST
Ngày 19 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Quốc Thới**

Ông **Trần Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Văn Mil** – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa:

Ông **Nguyễn Văn Hà** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2018/TLST - HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 2000 tại CN; Nơi cư trú: Ấp HT, xã LTT, huyện CN, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Y; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt truy nã, tạm giữ ngày 12 tháng 3 năm 2018, tạm giam ngày 15 tháng 3 năm 2018 đến nay (Bị cáo bị tạm giam có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh **Lý Trường G** - sinh ngày 02/02/2000 (Vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp HT, xã LTT, huyện CN, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 21/7/2017, Nguyễn Văn T sinh ngày 01/01/2000 ở ấp HT, xã LTT, huyện CN đi đến Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến thủy sản Minh Thảo (công ty Minh Thảo) ở cùng ấp để lãnh lương, T đi vào phòng nghỉ của công ty Minh Thảo thì phát hiện trên cái kệ bằng gỗ có để 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo Y55 màu xám trắng của anh Lý Trường G đang sạc pin mà không có người trông coi. Lúc này T nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại trên để sử dụng, T đi đến và dùng tay phải lấy điện thoại giấu vào trong túi quần rồi đi về nhà.

Về đến nhà T lấy chiếc điện thoại vừa trộm được ra thay đổi mật khẩu mở máy điện thoại và xóa hết hình ảnh của anh G, tháo sim số 0942.690.191 của G rồi lắp lại sim số 01687.285.090 của T vào để sử dụng. Đến ngày 01/8/2017 T đem chiếc điện thoại trên vào công ty Minh Thảo để sử dụng thì bị anh G phát hiện nên trình báo Công an xã Lương Thế Trân. Qua làm việc T đã thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm chiếc điện thoại di động của anh G và giao nộp lại chiếc điện thoại di động đã lấy trộm. Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Văn T đã bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 12/3/2018 T bị bắt theo quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cái Nước. Qua quá trình điều tra T còn khai nhận vào ngày 17/8/2017 T đã có hành vi lấy trộm của cô ruột là bà Nguyễn Thị X ở cùng ấp số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*); (Bút lục số: 12, 53 - 54, 68 - 87).

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y55 màu xám trắng, màn hình cảm ứng, số IMEL 863188039887870.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 03/8/2017 kết luận 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y55, màu xám trắng, màn hình cảm ứng, số IMEL 863188039887870 có giá: 3.990.000 đồng x 90% = 3.591.000 đồng (*Ba triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng*); (Bút lục số: 23).

Hành vi Nguyễn Văn T lấy trộm của bà Nguyễn Thị X cô ruột số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) vào ngày 17/8/2017, T thừa nhận đã lấy trộm và bà X cũng đã thừa nhận có mất, nhưng bà không yêu cầu xử lý và bồi thường; (Bút lục số: 68, 69).

Bản cáo trạng số 31/CT - VKS ngày 23 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện CN, tỉnh Cà Mau đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Cái Nước thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho xã hội cùng các tình tiết tăng

nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã kết luận và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về vật chứng đã trả cho bị hại nên không đặt ra xem xét.

Đối với 01 (một) sim Viettel số 01687285090 của T, trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho T là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Vivo Y55, màu xám trắng, màn hình cảm ứng, số IMEI 863188039887870, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cái Nước đã trả lại cho chủ sở hữu, hiện anh Giang không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi Nguyễn Văn T vào ngày 17/8/2017 lấy trộm của bà Nguyễn Thị X cô ruột số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*), T thừa nhận đã lấy trộm và bà X cũng đã thừa nhận có mất, nhưng bà không yêu cầu xử lý và bồi thường, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cái Nước tách ra để xử lý là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cái Nước, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với không gian, thời gian, phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang, tang vật đã thu giữ, kết quả định giá, lời khai của những người liên quan cùng với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu

tài sản của người khác một cách trái pháp luật là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm và người vi phạm phải bị xử lý nghiêm.

Hành vi của bị cáo không chỉ vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương; gây tâm lý lo âu cho người dân. Do đó cần phải có hình phạt nghiêm để bị cáo có thời gian cải tạo thành người công dân tốt khi hòa nhập cộng đồng nhằm đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Không

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo không có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại.

[3] Về Điều luật áp dụng: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra vào ngày 21 tháng 7 năm 2017, nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện Cái Nước truy tố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017. Nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

[4] Về xử lý vật chứng: Về vật chứng đã trả cho bị hại không đặt ra xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước về tội danh, trách nhiệm dân sự, hình phạt và xử lý vật chứng là phù hợp. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tài sản đã trả lại cho bị hại và thời gian bị tạm giam cũng đã đủ để cải tạo tại bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội. Hơn nữa tại phiên tòa bị cáo trình bày trong quá trình bị tạm giam bị cáo đã bị bệnh không đi lại được, và tại phiên tòa bị cáo không thể đứng để trả lời các câu hỏi của Hội đồng xét xử. Do đó Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là xử phạt bị cáo mức hình phạt bằng thời hạn tạm giam và tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 138; các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 47

Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Căn cứ các điều 135, 292, 299, 327, 328, 331, 333, 336, 337 và khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 04 tháng 07 ngày tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Về xử lý vật chứng: Về vật chứng đã trả cho bị hại không đặt ra xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo và người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lý Trường G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSNDP huyện Cái Nước;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Cái Nước;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Sở tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết